

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa bà N và ông Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 và ngày 09/08/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ninh Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 5, xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 5, xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02 tháng 6 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Ninh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ninh Thị N và ông Trần Văn Q đăng ký kết hôn và chung sống vào năm 1997 (không nhớ ngày tháng cụ thể) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung nhưng do đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn nên ngày 01/02/2016 UBND xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã thực hiện đăng ký kết hôn lại cho ông bà. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại xã HS nhưng đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, bất đồng trong cách làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống chung ngày càng nặng nề. Nay xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên bà N đề nghị được ly hôn với ông Q.

Về con chung: bà N khai nhận vợ chồng có ba con chung là anh Trần Quang L, sinh ngày 27/01/2000; anh Trần Thế A, sinh ngày 05/4/2002 và cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 21/12/2017. Hiện nay anh L và Thế A đã trưởng thành và lao động tự lập được nên bà N không yêu cầu Tòa án giải Q. Nay ly hôn bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Trần Huyền Tr, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ nợ chung: hai bên xin tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải Q.

** Tại lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:* Ông Q đồng ý với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nhưng theo ông Q nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng làm ăn kinh tế, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ nên dẫn đến hiểu nhầm, không tin tưởng nhau. Nhưng nay bà N làm đơn ly hôn, ông Q cho rằng vợ chồng cần cho nhau thời gian suy nghĩ thêm nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là anh Trần Quang L, sinh ngày 27/01/2000; anh Trần Thế A, sinh ngày 05/4/2002 và cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 21/12/2017. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì con chung đã thành niên ông Q không yêu cầu Tòa án giải Q, con chung chưa thành niên là cháu Huyền Tr ông Q nhất trí để bà N nuôi dưỡng trực tiếp, ông tự có trách nhiệm đối với cháu Huyền Tr.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Q xác nhận hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà N và ông Q có mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy bà Ninh Thị N và ông Trần Văn Q đăng ký kết hôn và chung sống với nhau năm 1997. Tuy nhiên do làm mất Giấy đăng ký kết hôn nên UBND xã HS đã thực hiện đăng ký kết hôn lại cho ông bà ngày 01/02/2016. Do vậy, quan hệ vợ chồng giữa bà Ninh Thị N và ông Trần Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây

dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống không thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn nặng nề do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà N làm đơn xin ly hôn với ông Q. Ông Q không nhất trí ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa lớn và mong muốn gia đình đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N với ông Q, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là trầm trọng, được chính quyền địa phương xác nhận. Bản thân ông Q biết bà N có đơn xin ly hôn nhưng trong quá trình giải Q vụ án được Tòa án nhiều lần triệu tập làm việc cũng như tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật nhưng ông Q vắng mặt không lý do. Mặt khác, ông bà mâu thuẫn nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà Ninh Thị N và ông Trần Văn Q ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông bà có ba con chung là anh Trần Quang L, sinh ngày 27/01/2000; anh Trần Thế A, sinh ngày 05/4/2002 và cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 21/12/2017. Hiện nay anh Linh và Thế A đã trưởng thành và lao động tự lập được nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải Q. Còn cháu Huyền Tr đang sống cùng bà N. Nay ly hôn bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Ông Q nhất trí.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự thì thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của bà N là hoàn toàn chính đáng, bà N là người khỏe mạnh, hiện nay con chung đang đi học, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, bà N xin nhận nuôi con, ông Q nhất trí nên cháu Trần Huyền Tr cho bà Ninh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà N, ông Q không yêu cầu giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Ninh Thị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ninh Thị N và ông Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 21/12/2017 cho bà Ninh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện con chung đang sống cùng bà N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Ninh Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002662 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Ninh Thị N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định ;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Hải Sơn;
- Cấp đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng